

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 420/UBND-KTTH

Minh Long, ngày 03 tháng 6 năm 2022

V/v báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022

Kính gửi:

- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;
- UBND các xã.

Thực hiện yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022.

Để có cơ sở tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm và Kế hoạch thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2022. UBND huyện Minh Long đề nghị các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo kết quả Chương trình xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2022 theo đề cương và biểu mẫu đính kèm.

Lưu ý: Đề nghị UBND các xã tách riêng nguồn vốn huyện, xã và tổng hợp được nguồn vốn lồng ghép, tín dụng, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư ... trong báo cáo.

Báo cáo gửi về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15/6/2022 bằng văn bản và gửi file mềm qua địa chỉ mail: phongnnpntntminhlong@gmail.com).

Đề nghị các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và PCT (NN) UBND huyện;
- Văn phòng huyện;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Thị Xuân Hương

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng
nông thôn mới 6 tháng đầu năm và Phương hướng
nhiệm vụ trong 6 tháng cuối năm 2022**

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

a) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

c) Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

d) Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Kết quả kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp xã.

b) Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo cấp xã.

c) Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình; sự phối hợp giữa các phòng, ban ngành, các chương trình, dự án trên địa bàn phục vụ cho xây dựng NTM. Các nguyên nhân chủ yếu của hạn chế.

3. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện

a) Đánh giá việc ban hành các văn bản để hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định của Tỉnh, Huyện.

b) Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương, trong đó tập trung vào một số nội dung trọng tâm:

- Chính sách lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn;
- Chính sách giao quyền chủ động cho người dân và cộng đồng trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;
- Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông; thu gom, xử lý rác thải, chất thải; chính sách hỗ trợ lãi vay tín dụng phục vụ phát triển sản xuất...;

- Chính sách để huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhất là huy động từ người dân;
- Chính sách ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp;
- Chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và đầu tư sản xuất công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn nông thôn;
- Chính sách liên kết hợp tác đa dạng giữa hộ nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

c) Đánh giá hiệu quả các cơ chế chính sách đã ban hành, đề xuất những nội dung cần sửa đổi để thúc đẩy thực hiện Chương trình trong giai đoạn tới.

(Bổ sung số liệu cụ thể theo Phụ biểu số 01 kèm theo)

4. Tổ chức tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình (nếu có)

- a) Kết quả về xây dựng tài liệu; tổ chức tập huấn cho cán bộ thực hiện Chương trình ở các thôn.
- b) Đánh giá hiệu quả công tác tập huấn; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh; bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt của địa phương;
- Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường nông thôn trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã;

- Đánh giá về chất lượng quy hoạch, khó khăn, vướng; mắc, nguyên nhân.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

- a) Kết quả về xây dựng cơ sở hạ tầng tại địa phương: theo các nhóm tiêu chí, theo nguồn vốn; số liệu cụ thể về kết quả thực hiện các công trình chủ yếu (*giao thông, trường học, trạm y tế, nước sạch...*)
- b) Tổng vốn huy động và vốn đã thực hiện, xây dựng cơ sở hạ tầng: phân theo tiêu chí và nguồn vốn.
- c) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí đạt thấp và nguyên nhân.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;

- Thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn;

- Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp;
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (nếu có);
- Những khó khăn, vướng mắc.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo;
- Kết quả thực hiện các Chương trình an sinh xã hội ở xã, thôn;
- Những khó khăn, vướng mắc.

5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi;
- Kết quả xóa mù chữ và chống tái mù chữ;
- Phổ cập giáo dục tiểu học;
- Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở;
- Những khó khăn, vướng mắc.

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

- Kết quả xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở;
- Những khó khăn, vướng mắc.

7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở;
- Kết quả nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của địa phương;
- Những khó khăn, vướng mắc.

8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề.

- Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2022, cải thiện điều kiện vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn;

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp;

- Những khó khăn, vướng mắc.

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội cán bộ, công chức xã;

- Kết quả cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công;

- Kết quả đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân;

- Kết quả thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”;

- Những khó khăn, vướng mắc.

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

- Kết quả thực hiện đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn;

- Kết quả thực hiện xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia;

- Những khó khăn, vướng mắc.

11. Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

- Tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ, cộng đồng, người dân;

- Công tác kiểm tra, giám sát tại địa phương;

- Những khó khăn, vướng mắc.

12. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn:

- Vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp;

- Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh, huyện, xã; vốn lồng ghép các chương trình, dự án; tín dụng; đầu tư của doanh nghiệp; đóng góp của người dân.

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 02 kèm theo)

b) Kết quả phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương theo quy định.

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 03 kèm theo)

c) Kết quả thực hiện các nguồn vốn

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 04 kèm theo)

d) Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù.

e) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản.

f) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân.

13. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

Số thôn đạt chuẩn, xã đạt theo nhóm tiêu chí;

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 05, 06 kèm theo)

14. Đối với xây dựng Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu:

15. Chương trình OCOP:

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

- Bình quân tiêu chí/xã, các tiêu chí sẽ hoàn thành;
- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn: Thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế, môi trường ...

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP

1. Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện

2. Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả triển khai

Chương trình

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng mức vốn.

2. Cơ cấu nguồn lực:

- a) Ngân sách Nhà nước: Trực tiếp và lồng ghép; ngân sách các cấp;
- b) Vốn đầu tư, vốn sự nghiệp;
- c) Vốn tín dụng;
- d) Vốn doanh nghiệp;
- e) Vốn huy động từ người dân và cộng đồng.

Dự kiến kế hoạch vốn theo các nội dung thực hiện

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1.

2.

Nơi nhận:

-;
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày
của)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Kết quả huy động trong 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022
	TỔNG SỐ	-	-	
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	-	-	
1	Trái phiếu Chính phủ			
2	Đầu tư phát triển			
3	Sự nghiệp			
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
1	Tỉnh			
2	Huyện, xã			
III	VỐN LÒNG GHÉP			
IV	VỐN TÍN DỤNG			
V	VỐN DOANH NGHIỆP			
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ			
1	Tiền mặt			
2	Ngày công và hiện vật quy đổi			